CÔNG TY TNHH TRÀ NGỌC DUY
73/17 Phan Chu Trinh – Phường 9 – Đà Lạt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Lạt, ngày 11 tháng 11 năm 2024

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

TRÀ ATISÔ TÚI LỌC

Số TCB: 03/DALAPHARMA/2024

Tên Công ty: **CÔNG TY TNHH DƯỢC ĐÀ LẠT (DALAPHARMA)**

Địa chỉ: Số 73/17 Phan Chu Trinh - Phường 9 - Tp. Đà Lạt - Tỉnh Lâm Đồng – Việt Nam

Điện thoại: 0785 899 091 - 02633 549 284

Website: dalapharma.vn

Email: dalapharma@ngocduygroup.com

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 5801492539 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH DƯỢC ĐÀ LẠT (DALAPHARMA)
TP. ĐÀ LẠT - T. LÂM ĐỒNG

NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

CÔNG TY TNHH TRÀ NGỌC DUY
73/17 Phan Chu Trinh – Phường 9 – Đà Lạt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Lạt, ngày 11 tháng 11 năm 2024

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

TRÀ ATISÔ TÚI LỌC

Số TCB: 03/DALAPHARMA/2024

Tên Công ty: **CÔNG TY TNHH DƯỢC ĐÀ LẠT (DALAPHARMA)**

Địa chỉ: Số 73/17 Phan Chu Trinh - Phường 9 - Tp. Đà Lạt - Tỉnh Lâm Đồng – Việt Nam

Điện thoại: 0785 899 091 - 02633 549 284

Website: dalapharma.vn

Email: dalapharma@ngocduygroup.com

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 5801492539 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH DƯỢC ĐÀ LẠT (DALAPHARMA) TP. ĐÀ LẠT - T. LÂM ĐỒNG

NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số TCB: 03/DALAPHARMA/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH TRÀ NGỌC DUY

Địa chỉ: 73/17 Phan Chu Trinh, Phường 9, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Điện thoại: 0785 899 091 - 02633 549 284

Website: www.dalapharma.vn

Email: dalapharma@ngocduygroup.com

Mã số doanh nghiệp: 5801492539

Chứng nhận tiêu chuẩn Quốc tế về Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000:2018, số AQV-10162, ngày cấp 30/10/2024, nơi cấp Quality Registrar Systems.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: TRÀ ATISÔ TÚI LỌC

2. Thành phần: 100% Atisô

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng tính từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên vỏ bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Sản phẩm được đóng trong các túi lọc chuyên dùng đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

- Túi lọc được đựng trong túi PE, chất liệu bao bì đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế. Bên ngoài đóng hộp cát tông/gói PE.

- Khối lượng tịnh của mỗi túi lọc 2 g

- Quy cách đóng gói: 40 g (20 túi x 2 g); 50 g (25 túi x 2 g); 100 g (50 túi x 2 g); 120 g (60 túi x 2 g); 200 g (100 túi x 2 g); 400 g (200 túi x 2 g) và các quy cách đóng gói khác tùy theo yêu cầu của khách hàng.

- Đóng thùng: 48 – 72 – 96 – 200 hộp/gói và các số lượng khác tùy theo yêu cầu của khách hàng.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (Đính kèm)

IV. Yêu cầu an toàn thực phẩm

CÔNG TY TNHH DƯỢC ĐÀ LẠT (DALAPHARMA) sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Tiêu chuẩn nhà sản xuất số 03:2024/DALAPHARMA đính kèm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Đà Lạt, ngày 11 tháng 11 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

M.S.D.N: 5801492539 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH DƯỢC ĐÀ LẠT (DALAPHARMA)
TP. ĐÀ LẠT - T. LÂM ĐỒNG

NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

TIÊU CHUẨN NHÀ SẢN XUẤT

CÔNG TY TNHH DƯỢC ĐÀ LẠT (DALAPHARMA)	TÊN SẢN PHẨM	Số: 03 : 2024/DALAPHARMA
	TRÀ ATISÔ TÚI LỌC	Có hiệu lực từ ngày 11 tháng 11 năm 2024

I. YÊU CẦU KỸ THUẬT:

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Bột hạt vừa phải, không lẫn tạp chất và vật lạ
2	Màu sắc của nước pha	Màu nâu đậm
3	Mùi	Hương thơm đặc trưng Atisô
4	Vị	Ngọt thanh

2. Hàm lượng kim loại nặng:

STT	Tên kim loại nặng	Đơn vị tính	Mức tối đa	Phương pháp thử
1	Chì (Pb)	mg/kg	2,0	TS-KT-QP-27:2021
2	Thuỷ ngân (Hg)	mg/kg	0,05	TS-KT-QP-27:2021
3	Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0	TS-KT-QP-27:2021
4	Asen (As)	mg/kg	1,0	TS-KT-QP-27:2021

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố	Phương pháp thử
1	Độ ẩm, không lớn hơn	%	10,0	TS-KT-HCB-005:2018
2	Tro tổng số, không lớn hơn	%	8,0	TS-KT-HCB-006:2018
3	Tro không tan trong axit, không lớn hơn	%	1,0	TS-KT-HCB-007:2018 (Ref.AOAC 920.46)

4. Giới hạn về vi sinh vật:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa	Phương pháp thử
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	10^6	ISO 4833-1:2013/ Amd1:2022
2	Coliforms	CFU/g	10^3	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
3	Nấm men	CFU/g	10^4	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
4	Nấm mốc	CFU/g	10^4	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
5	Salmonella	CFU/25g	Không được có	ISO 6579-1:2017/Amd1:2020

5. Hàm lượng hóa chất không mong muốn:

STT	Tên thuốc bảo vệ thực vật	Đơn vị tính	Mức tối đa	Phương pháp thử
1	Chlorpynfos – methyl	mg/kg	0,1	TS-KT-SK-14:2020
2	Cypermethrin	mg/kg	20	TS-KT-SK-14:2020
3	Fenitrothion	mg/kg	0,5	TS-KT-SK-14:2020
4	Fluccythrinate	mg/kg	20	TS-KT-SK-14:2020
5	Methidathion	mg/kg	0,5	TS-KT-SK-109:2022
6	Permethrin	mg/kg	20	TS-KT-SK-14:2020
7	Propargite	mg/kg	5	TS-KT-SK-09:2022

6. Các chỉ tiêu độc tố vi nấm

STT	Tên thuốc bảo vệ thực vật	Đơn vị tính	Mức tối đa	Phương pháp thử
1	Aflatoxin tổng	Mg/kg	15	TS-KT-SK-38:2019 (Ref.TCVN 10638:2014

II. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- Hướng dẫn sử dụng: Cho túi trà vào tách nước sôi, chờ từ 3-5 phút rồi thưởng thức. Ngày uống 3 lần, mỗi lần 1-2 túi. Có thể cho thêm đường tùy ý.

- Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời.

III. XUẤT XỨ VÀ THƯƠNG NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ HÀNG HÓA

Sản xuất và chịu trách nhiệm bởi CÔNG TY TNHH DƯỢC ĐÀ LẠT (DALAPHARMA) 73/17 Phan Chu Trinh, Phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Đà Lạt, ngày 11 tháng 11 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

M.S.D.N: 5801492539 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH DƯỢC ĐÀ LẠT (DALAPHARMA)
P. ĐÀ LẠT - T. LÂM ĐỒNG

NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

NỘI DUNG NHÃN TRÀ ATISÔ TÚI LỌC

1. **Tên sản phẩm: TRÀ ATISÔ TÚI LỌC**
2. **Thành phần cấu tạo:** 100% Atisô
3. **Hướng dẫn sử dụng:**

Cho túi trà vào tách nước sôi, chờ từ 3-5 phút rồi thưởng thức. Ngày uống 3 lần, mỗi lần 1-2 túi. Có thể cho thêm đường tùy ý.

4. **Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời.
5. **Thông tin cảnh báo an toàn, vệ sinh:** Không sử dụng khi sản phẩm có hiện tượng nấm mốc, có mùi lạ.
6. **Khối lượng tịnh:**

40 g (20 túi x 2 g); 50 g (25 túi x 2 g); 100 g (50 túi x 2 g); 200 g (100 túi x 2 g); …

7. **Hạn sử dụng:** 24 tháng tính từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng ghi trên vỏ bao bì.
8. **Sản xuất và chịu trách nhiệm sản phẩm:**

CÔNG TY TNHH DƯỢC ĐÀ LẠT (DALAPHARMA)

Địa chỉ: 73/17 Phan Chu Trinh, P9, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

ĐT: 0785 899 091 - 02633 549 284

Website: dalapharma.vn

Email: dalapharma@ngocduygroup.com

Xuất xứ: Việt Nam

ĐKKD: 5801492539

TC ISO 22000:2018

TC NSX số: 03:2024/DALAPHARMA

Số TCB: 03/DALAPHARMA/2024

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

Trang/ *Page No*: 1/2
Ngày ban hành/ *Date of issue*: 06/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1Y267K0754
Mã KQ/ *RP. No*: 002085033.00

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* (c) : **CÔNG TY TNHH DƯỢC ĐÀ LẠT (DALAPHARMA)**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* (c) : 73/17 Phan Chu Trinh, Phường 9, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date of receiving* : 01/11/2024
4. **Thời gian phân tích**/ *Date of Testing* : 01/11/2024 - 06/11/2024
5. **Thông tin mẫu**/ *Information of Sample* (c) : **TRÀ ATISÔ TÚI LỌC**
6. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong túi nhựa kín
7. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)	0.273	mg/kg	-	TS-KT-QP-27:2021
2	Thuỷ ngân (Hg) (*)/ Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
3	Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*)	0.084	mg/kg	-	TS-KT-QP-27:2021
4	Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)	0.277	mg/kg	-	TS-KT-QP-27:2021
5	Độ ẩm (*)/ Moisture (*)	3.48	%	-	TS-KT-HCB-005:2018
6	Tro tổng (*)/ Total ash (*)	7.34	%	-	TS-KT-HCB-006:2018
7	Tro không tan trong HCl (*)/ Ash insolube in HCl (*)	0.648	%	-	TS-KT-HCB-007:2018 (Ref. AOAC 920.46)
8	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*)/ Total aerobic microorganisms (*)	$3.7x10^2$	CFU/g	-	ISO 4833-1:2013/Amd1:2022
9	*Coliforms* (*)	< 10	CFU/g	-	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
10	Tổng số nấm men (*)/ Yeasts (*)	< 10	CFU/g	-	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
11	Tổng số nấm mốc (*)/ Moulds (*)	< 10	CFU/g	-	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
12	*Salmonella* spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	-	ISO 6579-1:2017/Amd1:2020
13	Chlorpyrifos-methyl (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-14:2020
14	Cypermethrin (*)	4.47	mg/kg	-	TS-KT-SK-14:2020
15	Fenitrothion (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-14:2020
16	Permethrin (*)	1.04	mg/kg	-	TS-KT-SK-14:2020

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1Y267K0754
Mã KQ/ *RP. No*: 002085033.00

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
17	Aflatoxin (tổng B_1, B_2, G_1, G_2) (*)/ Aflatoxin (sum of B_1, B_2, G_1, G_2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.15	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
18	Flucythrinate (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-14:2020
19	Propargite	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-09:2022
20	Methidathion (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-109:2022

Chú thích/ *Remarks*:

Theo phương pháp thử, khi không chứa bất kỳ khuẩn lạc nào trên đĩa, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g (sản phẩm dạng khác) hoặc nhỏ hơn 1 CFU/mL (sản phẩm dạng lỏng) có nghĩa là không phát hiện vi sinh vật trên phần mẫu thử./ When there is no colony on the plate, the test method indicates that the result is less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/mL that mean not detected microbiology per testing sample.

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 18473 - 11 Quyển số: SCT/BS
Ngày: 18 -11- 2024
CÔNG CHỨNG VIÊN

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT TECHNICAL MANAGER	GIÁM ĐỐC DIRECTOR
LÝ BÁ HÀO	HUỲNH TẤN CƯỜNG

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG LO THỊ HẰNG T.P ĐÀ LẠT - T. LÂM ĐỒNG

LO THỊ HẰNG

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

NGỌC DUY®

Trà túi lọc

Atisô

Artichoke tea bags



NGỌC DUY

Artichoke tea bags

Từ độ cao 1500m, hoạt chất Cynarine trong Cây Atisô được kết tinh. Cynarine được biết đến như một hoạt chất chăm sóc gan và thanh nhiệt. Người Đà Lạt yêu cây Atisô và uống trà Atisô từ thuở vùng đất này mới được khai phá. Vị trà Atisô, vị trà mang câu chuyện và dư vị Đà Lạt.

Trích DDVN V-T.1063

At an altitude of 1500 meters, the active compound Cynarine crystallizes within the Artichoke plant. Cynarine is recognized for its liver-supporting and detoxifying properties. The people of Da Lat have cherished the Artichoke plant and enjoyed its tea since the early days of the region's exploration. Artichoke tea, a tea that embodies the story and aftertaste of Da Lat.

Thành phần: 100% Atisô.
Hạn sử dụng: 24 tháng tính từ ngày sản xuất
Ingredients: 100% Artichoke
EXP: 24 months from the date of the manufacture

ĐKKD: 5801492539
TC ISO 22000: 2018
Số TCB: 03/DALAPHARMA/2024
TC NSX số: 03:2024/DALAPHARMA

20 bags/ 40 g

Product of Vietnam

CÔNG TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRÀ NGỌC DUY TP ĐÀ LẠT - T. LÂM ĐỒNG